

<p>20. Kinh Đại Hội</p>	<p>20. <i>The Mighty Gathering - Devas Come to See the Buddha</i> (<i>Mahāsamaya Sutta</i>)</p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Maurice Walshe)</p>
<p>20. <i>Kinh Đại hội</i> (P. <i>Mahāsamaya Sutta</i>, H.大會經) tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ <i>Trường A-hàm</i>.¹⁷ Chư thiên ở nhiều cõi giới đến thăm viếng, tán dương Phật, nghe chân lý và thực tập chuyển hóa theo hướng dẫn của Phật.</p>	<p>20. <i>Mahāsamaya Sutta: The Mighty Gathering (Devas Come to See the Buddha)</i>. A Sutta practically all in verse giving much mythological lore.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Maurice Walshe</p>
<p>1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú tại bộ lạc Sākya (Thích-ca), thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở Đại Lâm (Mahāvana), cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều là bậc A-la-hán.</p> <p>Và chư Thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.</p> <p>2. Lúc bấy giờ, bốn vị Tịnh Cư thiên (Suddhāvāsa) suy nghĩ như sau: "Thế Tôn nay trú tại bộ lạc Sākya, thành Kapilavatthu, ở Đại Lâm, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư Thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo. Vậy chúng ta hãy đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong mỗi chúng ta sẽ đọc một bài kệ dâng lên Thế Tôn".</p>	<p>[253] 1. THUS HAVE I HEARD.⁵⁶⁴ Once the Lord was staying among the Sakyans in the Great Forest at Kapilavatthu, with a large company of some five hundred monks, all Arahants.</p> <p>And devas from ten world-systems⁵⁶⁵ frequently came there to visit the Lord and his order of monks.</p> <p>2. And it occurred to four devas of the Pure Abodes:⁵⁶⁶ 'The Blessed Lord is staying at Kapilavatthu, with a large company of some five hundred monks, all Arahants. What if we were to approach him, and each recite a verse?'</p>

3. Rồi chư Thiên ấy, nhanh như nhà lược sĩ duỗi cánh tay co lại, hay co cánh tay duỗi ra, biến mất từ Tịnh Cư thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn. Chư Thiên ấy đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một vị Thiên đọc bài kệ trước Thế Tôn:

Đại hội tại Đại Lâm

Chư Thiên đồng tụ tập.
Chúng con đến Pháp hội
Đảnh lễ chúng Bất Thắng.

Rồi một vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

Tại đây chúng Tỷ-kheo
Thiền định, tâm chánh trực.
Như chủ xe nắm cương,
Bậc trí hộ các căn.

Lại một vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

Như khóa gãy, chốt tháo,

Cửa trụ bị đào lên.

Sống thanh tịnh, có mắt
Như voi khéo điều phục.

Lại một vị Thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn:

3. Then those devas, as swiftly as a strong man might stretch his flexed arm, or flex it again, [254] vanished from the Pure Abodes and appeared before the Lord. Then they saluted him and stood to one side, and one of them recited this verse:

‘Great the assembly in the forest here, the devas have met

And we are here to see the unconquered brotherhood.’

Another said:

‘The monks with concentrated minds are straight:
They guard their senses as the driver does his reins.’

Another said:

‘Bars and barriers broken, the threshold-stone of lust torn up,

Unstained the spotless seers go, like well-trained elephants.’ [255]

And another said:

Những ai quy y Phật,

Sẽ không đọa ác thú,
Sau khi bỏ thân người,
Sẽ sanh làm chư Thiên.

4. Rồi Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, phần lớn chư Thiên mười phương thế giới tụ họp để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, những vị nào trong thời quá khứ đã là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, những vị này được một Thiên chúng tối thắng tụ hội xung quanh, như Ta hiện nay vậy. Nay các Tỷ-kheo, những vị nào trong thời vị lai sẽ là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, những vị này cũng sẽ được một Thiên chúng tối thắng tụ hội xung quanh, như Ta hiện nay vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ tuyên bố danh tánh của chư Thiên. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ cáo tri danh tánh của chư Thiên. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng danh tánh của chư Thiên. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn! - Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn.

5. Thế Tôn giảng như sau:

Bài kệ Ta sẽ giảng
Chư Thiên trú Thiên giới,
Những vị trú hang núi,
Tâm tịnh, an thiên định.

Như sư tử, tuy nằm

‘Who takes refuge in the Buddha, no downward path will go:

Having left the body he’ll join the deva hosts.’

4. Then the Lord said to his monks:

‘Monks, it has often happened that the devas from ten world-systems have come to see the Tathāgata and his order of monks.

So it has been with the supreme Buddhas of the past, and so it will be with those of the future, as it is with me now.

I will detail for you the names of the groups of devas, announce them and teach them to you. Pay close attention, and I will speak.’

‘Yes, Lord’, said the monks,

and the Lord said:

5. ‘I’ll tell you them in verse: to which realm each belongs.
But those who dwell composed and resolute

Like lions in mountain-caves, have overcome

Làm hoảng sợ quần sanh,
Tâm tư thuần tịnh bạch,
Trong sáng, không cấu uế.

Biết hơn năm trăm vị,
Họp tại Ca-tỳ-la
Bậc Đạo Sư thuyết giảng
Chúng đệ tử thích nghe:

"Các Tỷ-kheo, hãy xem
Chư Thiên chúng đến gần".
Nghe lời dạy đức Phật
Đại chúng nhiệt tình xem.

6. Và hiện ra trước chúng
Thấy rõ hàng phi nhân
Kẻ thấy trăm thiên thần,
Ngàn thần, và hơn nữa.

Kẻ thấy bảy mươi ngàn
Toàn các bậc phi nhân.
Kẻ thấy vô lượng vị,
Cùng khắp mọi phương hướng.

Với pháp nhãn thấy rõ
Và phân biệt tất cả
Bậc Đạo Sư thuyết giảng,
Chúng đệ tử thích nghe:

"Các Tỷ-kheo hãy xem,
Chư Thiên chúng đến gần".
Ta sẽ theo thứ lớp
Thuyết kệ cho người nghe.

Hair-raising fear and dread, their minds
White and pure, unstained and calm.⁵⁶⁷ [256]
In Kapilavatthu's wood the Lord perceived

Five hundred of his Arahants and more,
Lovers of his word. To them he said:

'Monks, observe the deva-host approach!
And the monks strove eagerly to see.

6. With superhuman vision thus arising,
Some saw a hundred gods, a thousand some.

While some saw seventy thousand, others saw
Gods innumerable, all around.

And He-Who-Knows-with-Insight was aware
Of all that they could see and understand.
And to the lovers of his word the Lord,

Turning said: 'The deva-hosts approach.
Look and seek to know them, monks, in turn,
As I declare their names to you in verse!'⁵⁶⁸

7. Bảy ngàn loại Dạ-xoa
Trú tại Ca-tỳ-la,
Có thần lực hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,

Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Sáu ngàn từ Tuyết Sơn
Dạ-xoa đủ sắc mặt

Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo

Ba ngàn từ Sāta,
Dạ-xoa đủ sắc mặt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,

Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Như vậy mười sáu ngàn
Dạ-xoa đủ sắc mặt,

Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

8. Năm trăm từ Vessāmitta
Dạ-xoa đủ sắc mặt,

7. 'Seven thousand yakkhas of Kapila's realm,
Well-endowed with power and mighty skills,
Fair to see, with splendid train have come

Rejoicing to this wood to see such monks.
And six thousand yakkhas from Himālaya,
Of varied hue, and well-endowed with powers,

Fair to see, with splendid train have come
Rejoicing to this wood to see such monks.

From Sāta's Mount three thousand yakkhas more
Of varied hue...

The sum is sixteen thousand yakkhas all,
Of varied hue... [257]

8. Of Vessāmitta's host five hundred more
Of varied hue...

Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,

Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Kumbhīra, Vương Xá,
Trú tại Vepulla,

Hơn trăm ngàn Dạ-xoa,
Hầu hạ vây xung quanh.
Kumbhīra, Vương Xá
Cũng đến họp rừng này.

9. Vua Dhatarattha (Trì Quốc Thiên vương)
Trị vì tại phương Đông,
Chúa tể Càn-thát-bà
Bậc đại vương danh tiếng.

Vị này có nhiều con,
Đại lực, tên Indra
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

Quốc vương Virūḷhaka (Tăng Trưởng Thiên vương).
Trị vì tại phương Nam,
Chúa tể Cưu-bàn-trà (Kumbhanda)
Bậc đại vương danh tiếng,
Vị này có nhiều con,
Đại lực, tên Indra
Có thần lực, hào quang.
Có sắc tướng, danh xưng,

Kumbhira too from Rājagaha comes
(Whose dwelling-place is on Vepulla's slopes):

A hundred thousand yakkhas follow him.

9. King Dhatarattha,⁵⁶⁹ ruler of the East,
The gandhabbas' Lord, a mighty king,

Has come with retinue. Many sons
Are his, who all bear Indra's name,
All well-endowed with mighty skills...

King Virūḷha, ruler of the South,
The Kumbhaṇḍhas' lord, a mighty king...

Hoan hỷ đến rừng này
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

Vua Virūpakkha, (Quảng Mục Thiên vương)
Trị vì tại phương Tây,
Chúa tể loài Nāga
Bậc đại vương danh tiếng.
Vị này có nhiều con
Đại lực, tên Indra,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

Quốc vương Kuvera, (Đa Văn Thiên vương)
Trị vì tại phương Bắc,
Chúa tể, loài Dạ-xoa,
Bậc đại vương, danh tiếng.
Vị này có nhiều con,
Đại lực, tên Indra,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

Trì Quốc vương, phương Đông
Tăng Trưởng vương, phương Nam
Quảng Mục vương, phương Tây,
Đa Văn vương, phương Bắc,

Bốn bậc đại vương này,
Khắp cả bốn phương trời,
Cùng đứng, chói hào quang,

Virūpakkha, ruler of the West,
Lord of nāgas and a mighty king...

King Kuvera, ruler of the North,
Lord of yakkhas and a mighty king... [258]

From the East King Dhatarattha shone,
From South Virūlhaka, and from the West
Virūpakkha, Kuvera from the North:

Thus ranged in Kapilavatthu's wood
The Four Great Kings in all their splendour stood.'

Khắp rừng Ca-tỳ-la.

10. Cũng đến các bộ hạ,
Giả dối và xảo quyệt,
Māyā, Kuṭeṇḍu, Veṭaṇḍu, Viṭuṭa,
Viṭuca, Candana, Kāmaseṭṭha,
Kinnuḅhaṇḍu,
Nighaṇḍu chín vị đến.

Panāda, Opamañña, Mātali,
(người đánh xe chũ Thiên).
Càn-thát-bà Cittasena;
Vua Naḷa, Janesabha
Pañcasikha, Timbarū,
Suriyavaccasā cũng đến.

Như vậy cả vua chúa,
Cùng với Càn-thát-bà,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo!

11. Từ Nāgasā, Vesāli, Tacchakā,
Các Nāga cũng đến.
Kambala, Assatarā, Pāyāgā,
Cũng đến với quyền thuộc.
Các Nāga có danh tiếng,
Dhataratṭhā và Yāmunā cũng đến.
Erāvaṇa, Long vương,
Cũng đến tại ngôi rừng.

Những thiên điều nhị sanh,
Với cặp mắt thanh tịnh,
Mãnh liệt chống Long vương,

10. With them came their vassals versed in guile,
Skilled deceivers all: Kutendu first,
Then Vetendu, Vitu and Vitucca,
Candana and Kāmaseṭṭha next,
Kinnughandu and Nighaṇḍu, these,

Panāda, Opamañña, Mātali
(Who was the devas' charioteer), Nala,
Cittasena of the gandhabbas,
Rājā, Janesabha, Pañcasikha,
Timbarū with Suriyavaccasā

His daughter — these, and more, rejoicing came
To that wood to see the Buddha's monks.

11. From Nabhasa, Vesāli, Tacchaka
Came Nāgas, Kambalas, Assataras,
Payāgas with their kin. From Yamunā
Dhataratṭha came with splendid host,
Erāvana too, the mighty nāga chief⁵⁷⁰
To the forest meeting-place has come.

And the twice-born,⁵⁷¹ winged and clear of sight,
Fierce garuda birds (the nāgas' foes) have come [259]
Flying here — Citra and Supaṇṇā.

Nay bay đến ngôi rừng.
Tên chúng là Citrā,
Và tên Supaṇṇā.

Long vương không sợ hãi,
Nhờ ơn Phật an toàn
Với những lời nhẹ nhàng,
Chúng tự khuyên bảo nhau,
Nāga, Supaṇṇā (Kim Sí điểu)
Đều đến quy y Phật.

12. Asura ở biển,
Bị sét Kim Cang thủ,
Anh của Vāsava,
Có thần lực danh xưng.
Kāḷakañjakā, dị hình (Tu-la)
Dānaveghasā, Vepacitti
Cùng với Sucitti,
Với Pahārāda, ác quỷ Namucī.
Cùng con của Bali,
Đặt tên Veroca.

Huy động toàn quân lực,
Dâng cho vị thủ lãnh.
Rāhu nói: "Mong thay
Pháp hội được an toàn.
Phó hội chúng Tỷ-kheo
Đều đến tại rừng này".

13. Thần nước, đất, lửa, gió,
Cũng đến Varuṇa,
Với thủy tộc, Soma,
Cả Yasa cũng đến.

But here the nāga kings are safe: the Lord
Has imposed a truce. With gentle speech
They and the nāgas share the Buddha's peace.

12. Asuras too, whom Indra's hand⁵⁷² once struck,
Ocean-dwellers now, in magic skilled,
Vāsava's replendent brothers came,
The Kāḷakañjas, terrible to see,
Dānaveghasas, Vepacitti,
Sucitti and Pahārādha too,
Fell Namuci, and Bali's hundred sons
(Who all were called Veroca) with a band

Of warriors who joined their master Rāhu,
Who had come to wish their meeting well.

13. Gods of water, earth, and fire, and wind,
The Varunas and their retainers. Soma
And Yasa too. Devas born of love
And compassion, with a splendid train,

Chư Thiên Từ Bi sanh
Có danh xưng cũng đến

Mười vị thiên tộc này
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

14. Veṇhu, Sahalī,
Asamā, Yamā,
Chư Thiên thuộc Nguyệt tộc,
Vị thủ lãnh cũng đến.
Chư Thiên thuộc Nhật tộc
Vân thần tên Manda,
Quần tinh vị thủ lãnh
Vāsava, Vasū
Thần Sakka cũng đến.

Mười vị Thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng.
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

15. Sahabhū cũng đến,
Vớ đầu lửa đỏ rực,
Aritṭhakū, Rojā,
Như bông hoa Ummā
Varuṇā, Sahadhammā,
Accutā, Anejakā

These ten, with tenfold varied hosts,
Endowed with mighty powers, and fair to see,
Rejoicing came to see the Buddha's monks.

14. Veṇhu⁵⁷³ too with his Sahalis came,
The Asamas, the Yama twins, and those
Devas who attend on moon and sun,
Constellation-gods, sprites of clouds, [260]
Sakka the Vasus' lord, ancient giver,⁵⁷⁴

These ten, with tenfold varied hosts...

15. The Sahabhus, radiant, bright, came next,
Fiery-crested. The Aritthakas,
The Rojas, cornflower-blue, with Varuṇā
And Sahadhamma, Accuta, Anejaka,
Sūleyya, Rucira, the Vasavanesis,

Suleyyā, Rucirā,
Vāsavanesi cũng đến.

Mười vị Thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

16. Samānā, Mahāsamānā,
Mānusā, Mānusuttamā,
Khiḍḍāpadosika, Manopadosikā
Harayo, Lohitāvāsī,
Pāragā, Mahāpāragā
Có danh xưng cũng đến.

Mười vị Thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

17. Sukkā, Karumhā,
Aruṇa, Veghanasā
Odātagayhā,
Vicakkhaṇā cũng đến,
Sadāmatṭā, Hāragajā,
Missakā có danh xưng cũng đến.
Pajjunna thần sét,
Làm mưa khắp mọi phương.

These ten, with tenfold varied hosts...

16. The Samanas and Mahā-Samānas both,
Beings manlike and more than manlike came,
The 'Pleasure-corrupted' and 'Mind-corrupted' gods,⁵⁷⁵
Green devas, and the red ones too,
Paragas, Mahā-Pāragas with train,

These ten, with tenfold varied hosts...

17. Sukkas, Karumhas, Arunas, Veghanasas,
Follow in the Odatagayhas' wake.
Vicakkhanas, Sadamattas, Haragajas,
Those gods called 'Mixed in Splendour', and Pajunna
The Thunderer, who also causes rain,

Mười vị Thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

18. Khemiyā, Tusitā, Yāmā,
Danh xưng Kaṭṭhakā, Lambītakā,
Thủ lãnh các Lāma,
Jotināmā, Āsava,
Tha Hóa Tự Tại thiên,
Hóa Lạc thiên cũng đến.

Mười vị thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

19. Sáu mươi Thiên chúng này,
Với diện mạo dị biệt,
Theo danh tộc chúng đến,
Cũng nhiều vị khác nữa.

Nói rằng: "Sanh đã tận,
Then cái không còn nữa.
Bộc lưu đã vượt qua,
Đã thành bậc Vô Lậu.
Chúng con thấy vị ấy,
Như voi vượt bộc lưu,
Như trăng thoát mây tối".

These ten, with tenfold varied hosts... [261]

18. The Khemiyas, the Tusitas and Yamas,
The Katthakas with train, Lambitakas,
The Lama chiefs, and the gods of flame
(The Asavas), those who delight in shapes
They've made, and those who seize on others' work,⁵⁷⁶

These ten, with tenfold varied hosts...

19. These sixty deva-hosts, of varied kinds,
All came arranged in order of their groups,
And others too, in due array. They said:

'He who's transcended birth, he for whom
No obstacle remains, who's crossed the flood,
Him, cankerless, we'll see, the Mighty One,
Traversing free without transgression, as
It were the moon that passes through the clouds.'

20. Subrahmā, Paramatta,
Con các vị thần lực,
Sanañkumāra Tissa,
Đến hội tại ngôi rừng.

Đại Phạm thiên, chúa tể,
Ngự trị ngàn Phạm giới,
Thác sanh có hào quang,
Dị hình có danh xưng,

Mười đấng Tụ Tại đến,
Ngự trị mỗi mỗi cõi,
Giữa vị này Hārīta,
Cũng đến với đồ chúng.

21. Tất cả đều cùng đến,
Với Indra, Phạm thiên,
Ma quân cũng tiến đến,
Xem Hắc quỷ ngu si.

"Hãy đến và bắt trói,
Nhưng ai bị tham triền,
Hãy bao vây bốn phía,
Chớ để ai thoát ly!"

Như vậy Đại Tướng quân,
Truyền lệnh đoàn Hắc quỷ,
Với bàn tay vỗ đất,
Tiếng dội vang khiếp đảm.

Như trong cơn giông tố,
Sấm chớp và mưa rào,

20. Subrahma next, and with him Paramatta,
Sanankumara, Tissa, who were sons
Of the Mighty One, these also came.

Mahā-Brahmā, who ruled a thousand worlds,
In the Brahmā-world supreme, arisen there,
Shining bright, and terrible to see,

With all his train. Ten lords of his who each
Rule a Brahmā-world, and in their midst
Harita, who ruled a hundred thousand.

21. And when all these had come in vast array,
With Indra and the hosts of Brahma too,
Then too came Mara's hosts, and now observe
That Black One's folly.⁵⁷⁷ [262] For he said:

'Come on, seize and bind them all! With lust
We'll catch them all! Surround them all about,
Let none escape, whoever he may be!'

Thus the war-lord urged his murky troops.
With his palm he struck the ground, and made
A horrid din, as when a storm-cloud bursts

With thunder, lightning and with heavy rain —
And then — shrank back, enraged, but powerless!

Nó liền thối quân lui,
Phần nộ nhưng bất lực.

22. Với pháp nhãn thấy rõ,
Và phân biệt tất cả,
Bậc Đạo Sư thuyết giảng,
Chúng đệ tử thích nghe:

"Ma quân đã tiến đến;
Tỷ-kheo hãy biết chúng".
Nghe lời dạy đức Phật,
Đại chúng tâm nhiệt tình.

Kẻ thù đã bỏ đi,
Xa vô tham, vô úy.
Tất cả đều chiến thắng,
Vô úy và vô xưng!
Đệ tử những vị này,
Danh xưng, tâm hoan hỷ.

22. And He-Who-Knows-by-Insight saw all this
And grasped its meaning. To his monks he said:

'The hosts of Mara come, monks — pay good heed!
They heard the Buddha's words, and stayed alert.

And Mara's hosts drew back from those on whom
Neither lust nor fear could gain a hold.
'Victorious, transcending fear, they've won:
His followers rejoice with all the world!⁵⁷⁸

Notes

The numbers in square brackets [] in the actual text refer to the page number of the *Dīgha Nikāya* of the Pali Text Society's edition in Pali.

564. This is another curious document, doubtless an example of what RD calls 'a mnemonic doggerel as was found useful in other cases also by the early Buddhists, who had no books, and were compelled to carry their dictionaries and works of reference in their heads.' A Sanskrit version from Central Asia has been published, with English translation, by E. Waldschmidt in *LEBT*, pp. 149-162, and

there are also Chinese and Tibetan versions, all of which are quite close to the Pali in general. RD considers the poem (if such we can call it) 'almost unreadable now', because 'the long list of strange names awakes no interest.' That was in 1910. Possibly modern readers who know their Tolkien may think otherwise. At any rate I have not felt it necessary to try to follow up all the allusions, some of which remain obscure or dubious.

565. RD has, wrongly, 'ten thousand world-systems'. The Sanskrit confirms the lower figure.

566. The realm where Non-Returners dwell before gaining final Nibbana. The Sanskrit has deities (*devatā* - rendered 'goddesses'(!) by Waldschmidt) from the Brahma world.

567. As RD remarks, 'the connexion of the various clauses of this stanza is obscure'. It is not clear where the Buddha's actual words are supposed to begin. The verse seems to have been badly joined to the introductory section.

568. Here begins the mnemonic 'doggre!'

569. The name is the same as that of the ironically-named King Dhṛtarāṣṭra 'whose empire is firm' in the *Mahābhārata*. In verse 11 another Dhatarattha, a Naga king, is mentioned, and the name also occurs elsewhere. Cf. DN 19.1.36.

570. Indra's three-headed elephant. The nagas were both snakes and elephants.

571. Birds, like Brahmins, are 'twice-born' - first laid as eggs, then hatched!

572. Cf. DN n.512. Indra, the champion of the gods, had defeated them.

573. This is the Pali form of Visnu, and the Sanskrit text has indeed *Visnu* here, though that great god came into his own only after the Buddha's time.

574. *Purindada*: 'the generous giver in former births' (RD), deliberately altered from *Purandara* (which the Sanskrit version has!) 'destroyer of cities'. RD thinks the change was made to distinguish Sakka from the Vedic god, but perhaps it is rather a change to make him more Buddhistically 'respectable'.

575. See DN 1.2.7ff.

576. The Nimmanarati and Paranimmita devas: see Introduction, p. 42.

577. *Kaṇha*: 'black', but not connected with the Kanha mentioned in DN 3.1.23.

578. RD says: 'We have followed the traditional interpretation in ascribing these last four lines to Mara. They may quite as well, or better, be a statement by the author himself.' I have had the courage of his convictions, and made it so.